VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2020 hợp nhất Thông tư quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 101 + 102)

Phụ lục XXIV

CÁC MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM, BÁO CÁO AN NINH HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

A. MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM AN NINH HÀNG KHÔNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /.....	(Địa danh.....), ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN VI PHẠM

về.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....

2. Họ và tên..... Chức vụ: .....

II. Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ .....

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ:.....

- Địa chỉ thường trú:.....;

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

III. Tiến hành lập biên bản vi phạm đối với:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính ..... ;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):..... ;

- Đơn vị công tác .....

- Sinh ngày..... tháng..... năm.....

- Chứng minh nhân dân số (hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại .....

- Quốc tịch .....

IV. Nội dung sự việc vi phạm:

- Ghi rõ nội dung vi phạm, các hành vi vi phạm, diễn biến sự việc vi phạm

- Ghi rõ các thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra, người, cơ quan bị thiệt hại, họ tên, địa chỉ của họ

- Liệt kê tang vật, phương tiện vi phạm, các loại tài liệu và giấy tờ liên quan bị tạm giữ

V. Theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không..... để xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, [*tên người ra quyết định*] quyết định chuyển giao người, phương tiện, tang vật vi phạm cho..... để giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản gồm..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại.....[1], một bản giao cho người vi phạm, một bản giao cho Cảng vụ hàng không..... một bản giao cho.....[2]

Biên bản này đã được đọc lại cho người vi phạm, người làm chứng cùng nghe và đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản, trong trường hợp có ý kiến khác thì ghi bảo lưu bên dưới biên bản).

Người vi phạm	**Người chứng kiến**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ hàng không
(Ký ghi rõ họ tên)

- Người vi phạm không ký biên bản vì:.....
- Người làm chứng không ký biên bản vì:.....
- Ý kiến bảo lưu.....

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] Bộ phận an ninh hàng không (Trung tâm, Phòng, Ban, Đội....) đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập, đối với các doanh nghiệp khác thì ghi Đơn vị, Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ, như đồn công an..., hải quan cửa khẩu..., công an phường...

B. MẪU BIÊN BẢN VỤ VIỆC

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** **-------** Số: /.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** Địa danh....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN VỤ VIỆC

về.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....

2. Họ và tên..... Chức vụ: .....

II. Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ .....

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp/chức vụ:.....

- Địa chỉ thường trú:.....;

- Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

III. Người trực tiếp liên quan:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính ..... ;

- Địa chỉ thường trú (tạm trú):..... ;

- Đơn vị công tác .....

- Sinh ngày..... tháng..... năm.....

- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....

- Quốc tịch .....

IV. Nội dung vụ việc:

- Ghi rõ nội dung, các hành vi, diễn biến vụ việc

- Ghi rõ các thiệt hại do vụ việc gây ra, người, cơ quan bị thiệt hại, họ tên, địa chỉ của họ

- Liệt kê tang vật, phương tiện, các loại tài liệu và giấy tờ liên quan bị tạm giữ

V. Theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không..... để xử lý vụ việc theo đúng quy định của pháp luật, [*tên người ra quyết định*] quyết định chuyển giao người, phương tiện, tang vật vi phạm cho... để giải quyết theo thẩm quyền.

Biên bản gồm..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại.....[1],... bản giao cho người trực tiếp liên quan, một bản giao cho Cảng vụ hàng không..... một bản giao cho.....[2]

Biên bản này đã được đọc lại cho người trực tiếp liên quan, người làm chứng cùng nghe và đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản, trong trường hợp có ý kiến khác thì ghi bảo lưu bên dưới biên bản).

Người trực tiếp liên quan	**Người chứng kiến**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ hàng không
(Ký ghi rõ họ tên)

- Người trực tiếp liên quan không ký biên bản vì:.....
- Người làm chứng không ký biên bản vì:.....
- Ý kiến bảo lưu.....

Người lập biên bản

(Ký, ghi rõ họ tên)

[1] Bộ phận an ninh hàng không (trung tâm, phòng, ban, đội....) đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập, đối với các doanh nghiệp khác thì ghi Đơn vị Phòng hoặc Đội, Tổ bảo vệ theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ, như đồn công an..., hải quan cửa khẩu..., công an phường...

C. MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN** **-------** Số: /BBBG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** Địa danh....., ngày tháng năm 20....

BIỂN BẢN BÀN GIAO

Vụ việc:.....

Vào hồi..... giờ..... ngày... tháng..... năm.....

Tại....., theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không .....

1. Đại diện bên giao .....

- Ông (bà)..... Chức vụ .....
- Đơn vị: .....

2. Đại diện bên nhận.....

- Ông (bà)..... Chức vụ .....
- Đơn vị: .....

Hai bên cùng nhau tiến hành bàn giao như sau:

I. Bàn giao người vi phạm:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính ..... ;
- Địa chỉ thường trú (tạm trú):..... ;
- Đơn vị công tác .....
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....
- Quốc tịch .....
- Biểu hiện tình trạng sức khỏe: .....

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:..... Giới tính ..... ;
- Địa chỉ thường trú (tạm trú):..... ;
- Đơn vị công tác .....
- Sinh ngày..... tháng..... năm.....

- Chứng minh nhân dân số (Hộ chiếu)..... Cấp ngày..... tại.....

- Quốc tịch .....

- Biểu hiện tình trạng sức khỏe:

3 .....

II. Bàn giao phương tiện, tang vật, tài sản:

Liệt kê theo thứ tự các phương tiện, tang vật, tài sản, tài liệu...

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản gồm..... trang, được lập xong hồi..... giờ..... cùng ngày gồm.... bản có nội dung và giá trị như nhau, một bản được giữ lại..... [1], một bản giao cho Cảng vụ hàng không..... một bản giao cho..... [2]

Biên bản này đã được đọc lại cho đại diện bên giao và bên nhận cùng nghe, đồng ý, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận (lưu ý ký vào từng trang biên bản).

Đại diện bên giao	**Đại diện bên nhận**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Cảng vụ[3]
(Ký ghi rõ họ tên)

[1] Bộ phận an ninh hàng không (trung tâm/phòng/ban/đội....) đối với biên bản do lực lượng kiểm soát an ninh hàng không lập, đối với các doanh nghiệp khác thì ghi đơn vị, phòng hoặc đội, tổ bảo vệ theo thực tế tổ chức lực lượng bảo vệ của doanh nghiệp.

[2] Đơn vị nhận bàn giao không phải Cảng vụ hàng không như đồn công an..., hải quan cửa khẩu...,

[3] Cảng vụ ký vào mục này trong trường hợp nơi nhận bàn giao không phải là Cảng vụ, Cảng vụ nhận bàn giao thì ký vào đại diện bên nhận.

D. MẪU BÁO CÁO BAN ĐẦU

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG...** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /.....	Địa danh....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

(Phòng An ninh hàng không)

BÁO CÁO BAN ĐẦU

Vụ việc:.....

1. Tóm tắt diễn biến vụ việc và hậu quả tác hại:

(Thời gian, địa điểm, trình tự diễn biến sự việc, hậu quả tác hại.....)

.....

2. Đối tượng vi phạm:

- Họ và tên:..... Nam, nữ..... Quốc tịch .....

Địa chỉ thường trú: .....

Hộ chiếu, CMTND..... Số:..... Nơi cấp.....

- Họ và tên:..... Nam, nữ..... Quốc tịch .....

Địa chỉ thường trú: .....

Hộ chiếu, CMTND,..... Số:..... Nơi cấp.....

3. Các biện pháp đã và đang làm:

(Lập biên bản, thu giữ giấy tờ tùy thân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép nhân viên hàng không, giữ người, đồ vật, phương tiện vi phạm, lấy lời khai nhân chứng, người vi phạm và những người liên quan...).....

.....

.....

4. Đánh giá nhận xét:

(Về tính chất, mức độ vi phạm; vi phạm vào điều khoản nào của quy định nào; dự kiến xử phạt.....).....

5. Ý kiến đề xuất: .....

Nơi nhận:
- .....
- .....
- Lưu.....

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....

Đ. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG...** **-------** Số: /.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** Địa danh....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ XỬ LÝ

Vụ việc:.....

Tiếp theo báo cáo ban đầu về vụ việc vi phạm số:...../.... ngày... tháng..... năm.... Cảng vụ hàng không..... báo cáo kết quả xử lý cuối cùng như sau:

1. Diễn biến vụ việc sau khi điều tra làm rõ:

(Nếu kết quả điều tra làm rõ như báo cáo ban đầu thì chỉ cần ghi diễn biến như đã nêu trong báo cáo ban đầu. Nếu có những thay đổi thì nêu rõ, cụ thể những thay đổi.....).....

2. Biện pháp xử lý:

(Nêu rõ các biện pháp áp dụng xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm như: xử phạt vi phạm hành chính; thu giữ phương tiện, giấy tờ.....)

.....

3. Các khuyến cáo yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan khắc phục sơ hở, thiếu sót:

(Nêu cụ thể từng nội dung khuyến cáo cá nhân, tổ chức, đơn vị phải thực hiện khắc phục, thời gian khắc phục)

.....

.....

Nơi nhận: - Như trên; - Phòng An ninh hàng không (Cục HKVN); - Thanh tra hàng không (Cục HKVN); - ..... - Lưu.....	**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ.....**

Phụ lục XXV
TÚI ĐỰNG CHẤT LỎNG ĐƯỢC PHÉP MANG THEO NGƯỜI, HÀNH LÝ XÁCH TAY TRÊN CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Túi đựng 1000 mi-li-lít chất lỏng hành khách mua ngoài khu vực cách ly

1.1. Túi nhựa trong suốt; kích cỡ túi đựng đủ chứa không quá 10 lọ 100 mi-li-lít (không quá 25 cen-ti-mét x 20 cen-ti-mét).

1.2. Miệng túi có thể mở ra đóng lại được để phục vụ cho việc kiểm tra an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Túi nhựa an ninh (Security tamper-evident bag (STEB)) đựng chất lỏng mua tại cửa hàng trong khu vực cách ly quốc tế, trên tàu bay

2.1. Vật liệu để sản xuất túi:

a) Trong suốt (sử dụng chất liệu nhựa pô-ly-me mềm chịu lực tốt hoặc vật liệu tương tự);

b) Kích cỡ tùy theo yêu cầu; độ dày tối thiểu 50 mi-crô-mét.

2.2. Miệng túi: có dải băng dính miệng túi có độ dính cao, rộng tối thiểu 30 mi-li-mét, có các họa tiết chìm; đường lót dải băng dính rộng tối thiểu 40 mi-li-mét; khi bóc dải băng dính sẽ rách hỏng và các họa tiết chìm sẽ hiện lên.

2.3. Cạnh và đáy túi: đường viền cạnh và đáy túi màu đỏ, có kích thước trên 15 mi-li-mét, in dòng chữ "Không được mở" hoặc tên cảng hàng không hoặc những thông tin, họa tiết dọc theo đường viền với khổ chữ tối thiểu 5 mi-li-mét.

2.4. Mặt trước túi:

a) Biểu tượng an ninh màu xanh lá cây ở giữa túi;

b) Dòng chữ in màu đỏ ở đáy túi: "Không được mở cho đến hết hành trình - Nếu túi bị hỏng niêm phong, hàng hóa trong túi có thể bị tịch thu";

c) Phía trên miệng túi có 03 chữ VNM đối với túi của cửa hàng miễn thuế; mã quốc tế của hãng hàng không đối với túi bán hàng miễn thuế trên tàu bay;

d) Tên của nhà sản xuất túi hoặc mã của nhà sản xuất đã đăng ký với ICAO;

đ) Số xê-ri kiểm soát.

2.5. Phần túi nhỏ đựng hóa đơn, biên lai có kích cỡ phù hợp với cỡ hóa đơn, biên lai nằm bên trong túi, ở vị trí dễ thấy bên trái phía trên túi (có thể thay bằng một túi nhỏ để rời).

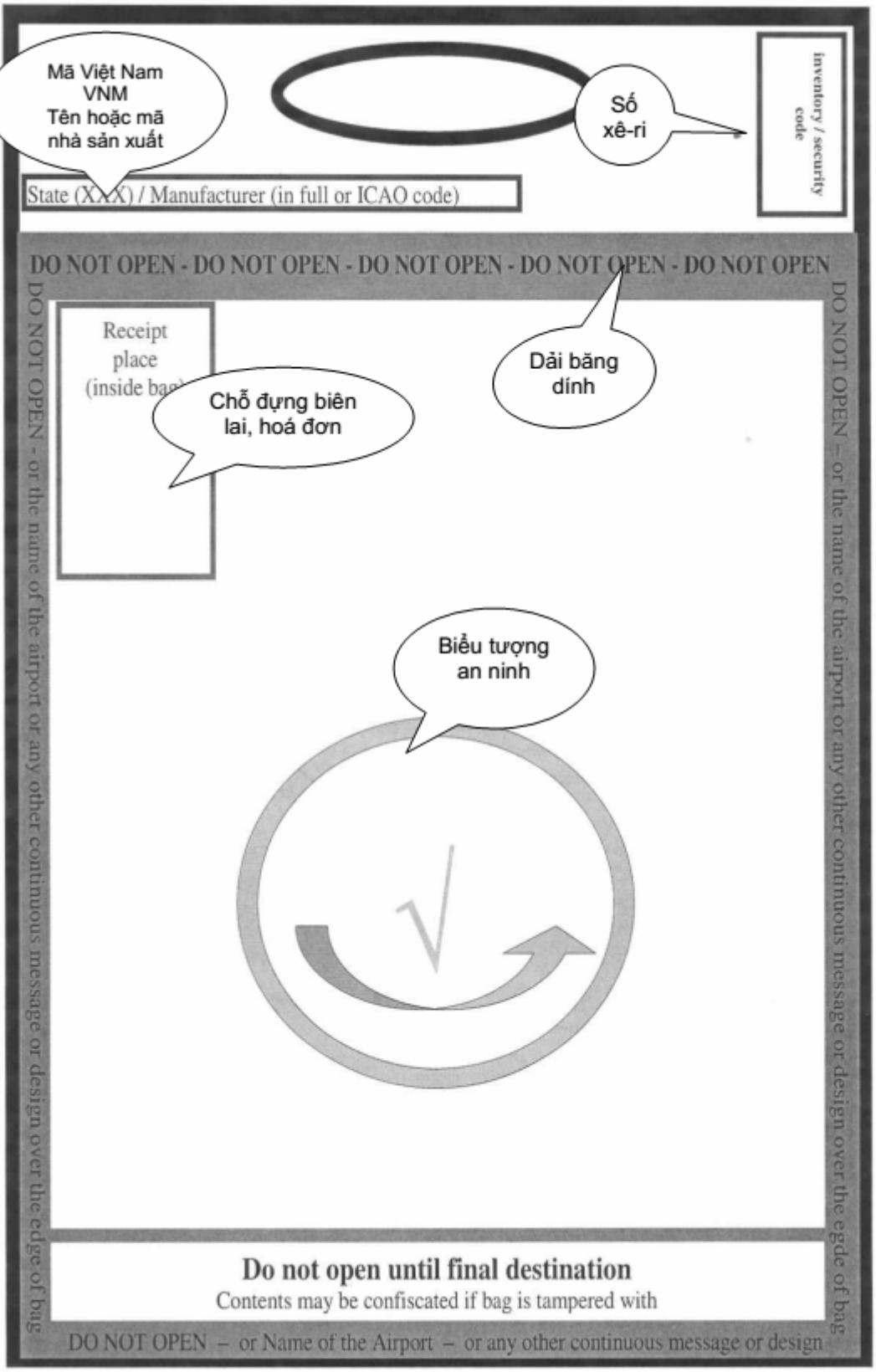
Mã Việt Nam
VNM
Tên hoặc mã
nhà sản xuất
Số
xê-ri
inventory / security code
State (XXX) / Manufacturer (in full or ICAO code)
DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN - DO NOT OPEN
DO NOT OPEN – or the name of the airport or any other continuous message or design over the edge of bag
DO NOT OPEN – or the name of the airport or any other continuous message or design over the egde of bag
Receipt
place
(inside bag)
Chỗ đựng biên
lai, hoá đơn
Dải băng
dính
Biểu tượng
an ninh
Do not open until final destination
Contents may be confiscated if bag is tampered with
DO NOT OPEN – or Name of the Airport – or any other continuous message or design

Phục lục XXVI

MẪU TỜ KHAI MANG ĐỒ VẬT, PHƯƠNG TIỆN VÀO KHU VỰC HẠN CHẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Phần tự khai

Họ và tên:

Số thẻ kiểm soát an ninh hàng không:

Đơn vị công tác:

Nội dung khai báo đồ vật, phương tiện mang vào/ra khu vực hạn chế:

STT	Tên đồ vật, phương tiện	Số lượng		Chủng loại	Mục đích sử dụng	Thời gian		Ghi chú
		Mang vào	Mang ra			Mang vào	Mang ra	
01								
02								
03								

Tôi cam đoan nội dung khai trên là đúng sự thật, không còn mang bất kỳ đồ vật nào khác theo người ngoài nội dung đã khai bảo ở trên.

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Phần xác nhận của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Tôi đã kiểm tra toàn bộ đồ vật mang vào khu vực hạn chế của ông (bà):..... đúng/không đúng với nội dung khai ở trên.

Nhân viên kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Tôi đã kiểm tra toàn bộ đồ vật mang ra khỏi khu vực hạn chế của ông (bà):... đúng/không đúng với nội dung khai ở trên.

(Nếu không đúng) Đã sử dụng:

Mục đích sử dụng:

Nhân viên kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phục lục XXVII

MẪU THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh Cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Thẻ dài hạn)

1.1 Chất liệu thẻ bằng nhựa PVC màu trắng, kích thước thẻ 5,3 cen-ti-mét x 8,5 cen-ti-mét.

1.2. Mặt trước thẻ chia làm 5 phần bao gồm:

a) Phần thứ 1: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,1 cen-ti-mét nền màu xanh cô ban (C:100; M:0; Y:0; K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

b) Phần thứ 2: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền trắng (C:0; M:0; Y:0; K:0), có các nội dung: đơn vị cấp thẻ, số thẻ và thời hạn hiệu lực của thẻ.

c) Phần thứ 3: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 3,4 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), chia làm 03 cột có các nội dung: khu vực hạn chế được phép vào hoạt động và ảnh của người được cấp thẻ.

d) Phần thứ 4: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,97 cen-ti-mét nền hoa văn màu xám (C:0; M:0; Y:0; K:30), có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động.

đ) Phần thứ 5: Kích thước 5,3 cen-ti-mét x 1,53 cen-ti-mét nền có biểu tượng (logo) Cục Hàng không Việt Nam in chìm mờ T-ram 65% nằm chính giữa, có các nội dung: Họ và tên người được cấp thẻ, chức danh, tên cơ quan đơn vị của người được cấp thẻ.

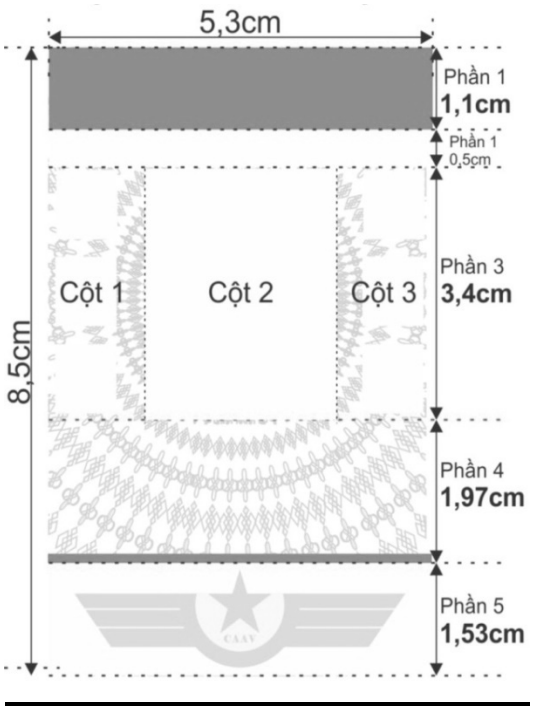

1.3. Mặt sau thẻ nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng thẻ

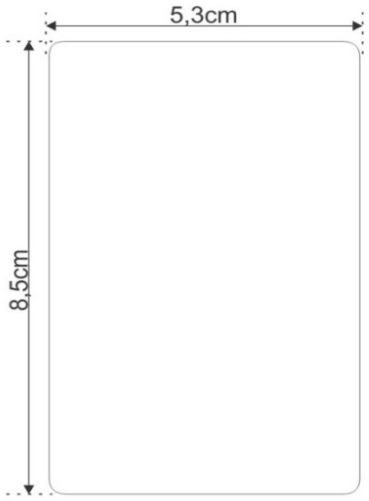

2. Mẫu thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn (Thẻ ngắn hạn)

2.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250 - 300 g/m^2) màu trắng, kích thước thẻ 8,5 cen-ti-mét x 9,5 cen-ti-mét.

2.2. Mặt trước thẻ chia làm 3 phần bao gồm:

a) Phần thứ 1: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1,8 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp thẻ bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Phần thứ 2: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 6,7 cen-ti-mét nền trắng, có logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm mờ T-ram 70% ở giữa, có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động, số thẻ, Họ và tên người được cấp thẻ, số Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không sân bay dài hạn hoặc Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ dài hạn, khu vực hạn chế được phép vào hoạt động; thời hạn hiệu lực của thẻ.

c) Phần thứ 3: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

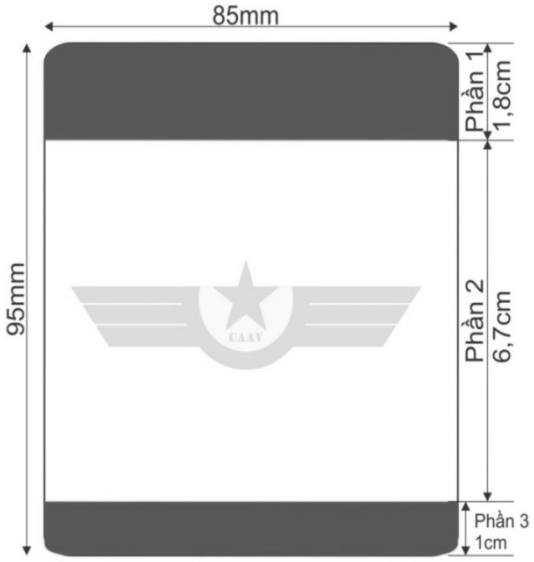

2.3. Mặt sau thẻ chia làm 3 phần bao gồm:

a) Phần thứ nhất: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

b) Phần thứ 2: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 8 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng thẻ.

c) Phần thứ 3: kích thước 8,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu hồng (C: 0; M:100; Y:0; K:0).

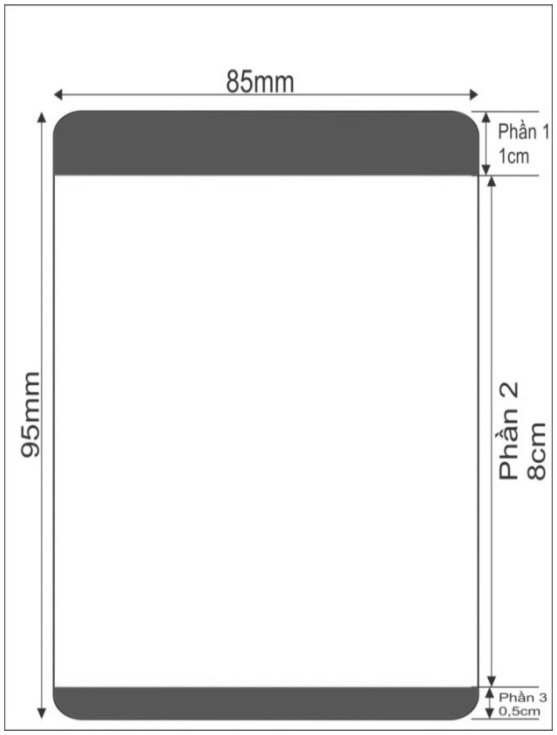

3. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn (Giấy phép dài hạn)

3.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250 - 300 g/m^2) màu trắng, kích thước giấy phép 16,5 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

3.2. Mặt trước giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp giấy phép bằng tiếng Việt.

b) Phần thứ 2: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 9,3 cen-ti-mét nền màu vàng nhạt (C:0, M:0, Y:40, K:0) với hoa văn trống đồng Đông Sơn màu vàng đậm (C:0, M:5, Y:100, K:0) và logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm T-ram 70% ở giữa, có các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động, số giấy phép, thời hạn hiệu lực của giấy phép, loại phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện; khu vực được phép vào hoạt động; cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện; cổng vào, cổng ra.

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

3.3. Mặt sau giấy phép

a) Phần thứ nhất: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,5 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 10 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép.

c) Phần thứ 3: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

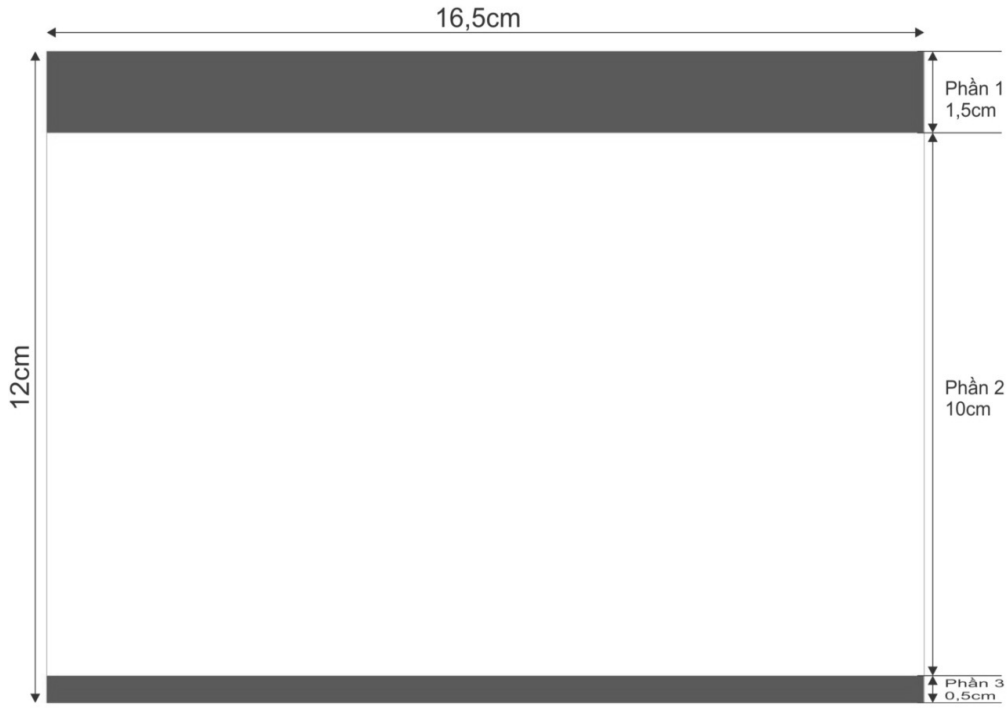

4. Mẫu giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn (Giấy phép ngắn hạn)

4.1. Chất liệu thẻ bằng giấy cứng (couche hoặc bristol định lượng từ 250 - 300 g/m^2) màu trắng, kích thước giấy phép 16,5 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

4.2. Mặt trước giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0) có các nội dung: tên cơ quan đơn vị cấp giấy phép bằng tiếng Việt.

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 8,6 cen-ti-mét, nền trắng có biểu tượng logo Cục Hàng không Việt Nam in chìm T-ram 70% ở giữa và các nội dung: cảng hàng không được phép vào hoạt động; số giấy phép; loại phương tiện; biển kiểm soát của phương tiện; khu vực hạn chế được phép vào hoạt động; cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện; thời hạn hiệu lực của giấy phép; cổng ra, cổng vào;

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu đỏ cờ (C:0, M:100, Y:100, K:0).

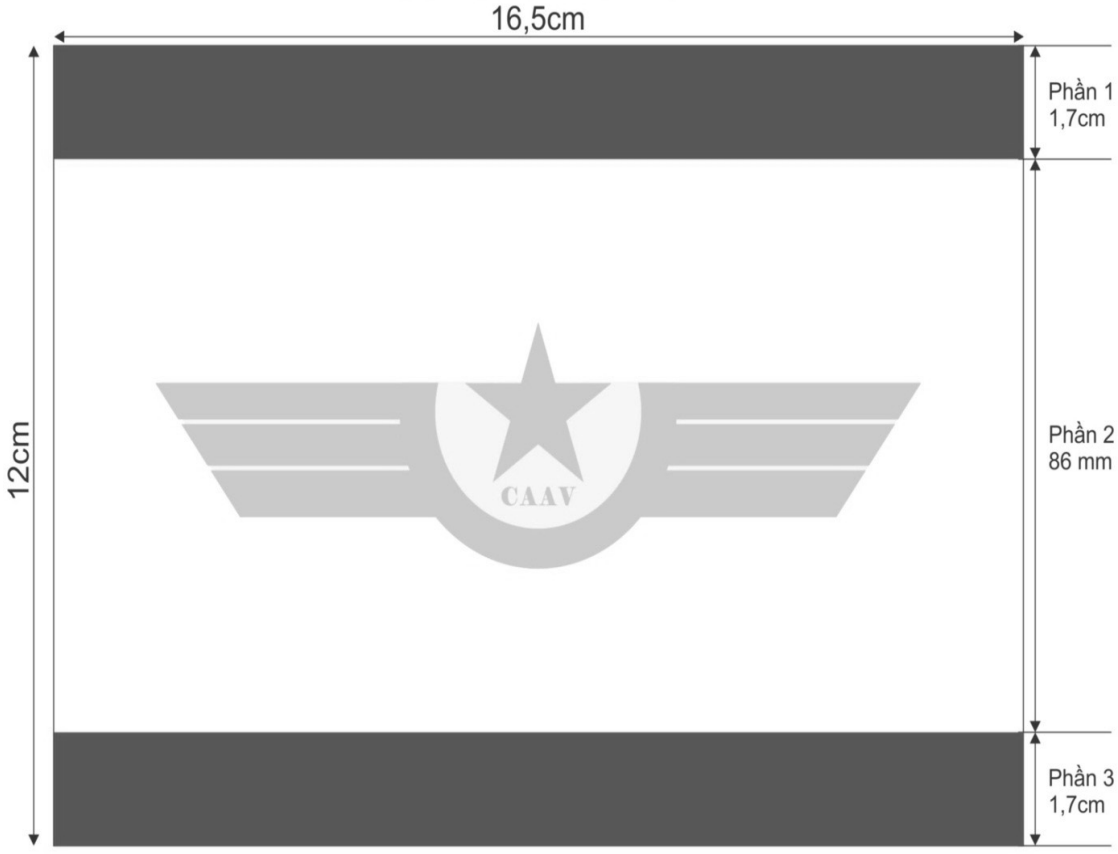

4.3. Mặt sau giấy phép

a) Phần thứ nhất: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 1,7 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0).

b) Phần thứ 2: Kích thước 16,5 cen-ti-mét x 9,8 cen-ti-mét nền trắng có các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép.

c) Phần thứ 3: kích thước 16,5 cen-ti-mét x 0,5 cen-ti-mét nền màu hồng (C:0, M:100, Y:0, K:0).

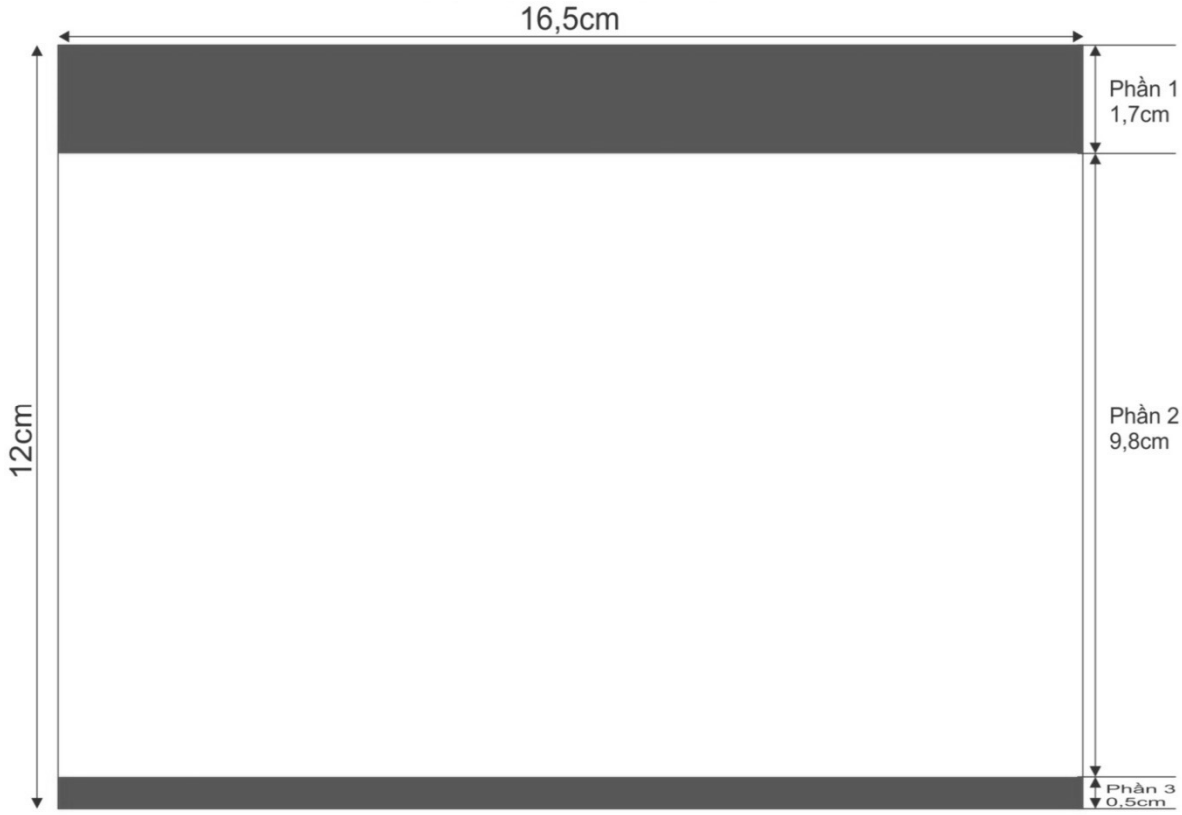

PHỤ LỤC XXVIII[6]

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM...

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.

2. Thống kê số liệu thiết bị an ninh hàng không:

a) Phân loại về số lượng, chất lượng, thiết bị an ninh hàng không.

b) Cập nhật, bổ sung mới thiết bị an ninh hàng không.

c) Thiết bị an ninh hàng không bị hư hỏng.

d) Thiết bị an ninh hàng không bị tiêu hủy.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế

b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

---

[6] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THIẾT BỊ AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý thiết bị an ninh hàng không.

2. Công tác duy trì, bảo dưỡng, bổ sung, tiêu hủy thiết bị an ninh hàng không.

Nơi nhận:
-.....[4];
-.....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành

PHỤ LỤC XXIX[7]

Mẫu đề cương báo cáo công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ và đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Thống kê số liệu vũ khí, công cụ hỗ trợ:

a) Phân loại về số lượng, chất lượng vũ khí.

b) Phân loại về số lượng, chất lượng công cụ hỗ trợ.

c) Cập nhật, bổ sung mới vũ khí.

d) Cập nhật, bổ sung mới công cụ hỗ trợ.

đ) Vũ khí bị hư hỏng, tiêu hủy.

e) Công cụ hỗ trợ bị hư hỏng, tiêu hủy.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ

[7] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Thống kê đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khĩ, công cụ hỗ trợ:

a) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí; cấp giấy phép sử dụng vũ khí cho lực lượng ANHK

b) Đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho lực lượng ANHK.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế

2. Nguyên nhân

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:.....

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VỀ BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ NĂM.....

1. Công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ

2. Công tác đào tạo, huấn luyện về bảo quản, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.

PHỤ LỤC XXX[8]

Mẫu đề cương báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ [1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-...[2]	*...[3]..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không năm.....

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không đã triển khai:

a) Thanh tra an ninh hàng không:

b) Kiểm tra an ninh hàng không toàn diện:

c) Kiểm tra an ninh hàng không hạn chế:

d) Điều tra an ninh hàng không:

đ) Thử nghiệm an ninh hàng không công khai:

e) Thử nghiệm an ninh hàng không bí mật:

g) Khảo sát an ninh hàng không:

h) Đánh giá an ninh hàng không:

i) Công tác lưu trữ hồ sơ hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

---

[8] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không dân dụng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Tồn tại, hạn chế

b) Nguyên nhân

4. Đánh giá chung:.....

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:.....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG NĂM.....

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

2. Kế hoạch hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không.

Nơi nhận:
- .....[4];
- .....;
Lưu: VT,...[5]...[6].

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, đơn vị)
Họ và tên

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Nơi nhận báo cáo;

[5] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[6] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành.